

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2010	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất vào ngày 06 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại số 4, đường 30/04, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 116.598.200.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2010 gồm:

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số 63B – 65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh 2 Tp. Hồ Chí Minh lô B16/I, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 3 số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm: Lô G – Trung tâm thương mại Cái Khế, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.
- Chi nhánh số 3 Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương số 22, đường số 2, KCN Việt Nam – Singapore II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Cửu Long 2 số 66 A, Nguyễn Tất Thành, khóm 3, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cửu Long 5 số 135, Nguyễn Trãi, phường 9, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Tây Ninh số 59B, Nguyễn Thái Học, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Khu vực đồng bằng số 164, tỉnh lộ 854, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Kiên Giang số 378, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Đà Nẵng, số 423 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc.
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người.
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Mua bán dược liệu.
- Đầu tư tài chính.

### 2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

*Họ tên*

Bà Trần Thị Đào  
Ông Trần Thái Hoàng  
Ông Nguyễn Quốc Định  
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng  
Ông Phan Hoàng Minh Trí  
Bà Nguyễn Kiêm Phương  
Ông Trần Anh Tuấn  
Ông Võ Hữu Tuấn  
Ông Ngô Minh Tuấn

*Chức danh*

Chủ tịch HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thư ký HĐQT

#### Ban Kiểm soát

*Họ tên*

Ông Nguyễn Đức Tuấn  
Bà Đỗ Thị Thanh Thúy  
Bà Lê Thị Kim Chung

*Chức danh*

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên Ban Kiểm soát  
Thành viên Ban Kiểm soát

#### Ban Tổng Giám đốc

*Họ tên*

Bà Trần Thị Đào  
Ông Trần Thái Hoàng  
Ông Nguyễn Quốc Định  
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng

*Chức danh*

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã soát xét toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

*Đồng Tháp, ngày 30 tháng 07 năm 2010.*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*C.N Nguyễn Quốc Định*

Số: 11.101/BCSX-DTL

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các cổ đông  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2010.

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TẶNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

  
**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>452,912,950,128</b>	<b>527,191,362,616</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>47,156,125,834</b>	<b>135,040,362,163</b>
1. Tiền	111		21,156,125,834	38,188,705,816
2. Các khoản tương đương tiền	112		26,000,000,000	96,851,656,347
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>5,576,889,079</b>	<b>12,808,230,079</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9,048,721,770	15,528,721,770
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3,471,832,691)	(2,720,491,691)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5.3</b>	<b>180,224,561,992</b>	<b>175,894,946,772</b>
1. Phải thu khách hàng	131		156,000,523,203	158,194,094,276
2. Trả trước cho người bán	132		26,315,500,465	18,008,166,237
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1,850,672,488	3,555,940,844
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,942,134,164)	(3,863,254,585)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>211,116,079,340</b>	<b>195,920,860,918</b>
1. Hàng tồn kho	141		211,947,594,236	196,943,207,259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(831,514,896)	(1,022,346,341)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8,839,293,883</b>	<b>7,526,962,684</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,545,294,396	537,837,302
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>5.5</b>	7,293,999,487	6,989,125,382

(Phần tiếp theo ở trang 06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>221,324,539,197</b>	<b>204,277,560,874</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>172,409,049,629</b>	<b>152,338,481,860</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	85,092,769,643	41,741,255,762
- Nguyên giá	222		181,081,180,328	132,360,994,776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95,988,410,685)	(90,619,739,014)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	56,165,081,286	55,070,374,842
- Nguyên giá	228		57,944,913,743	56,444,913,743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,779,832,457)	(1,374,538,901)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	31,151,198,700	55,526,851,256
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.9	<b>34,410,493,700</b>	<b>37,648,493,700</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19,810,876,700	19,810,876,700
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20,892,628,000	22,892,628,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(6,293,011,000)	(5,055,011,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14,504,995,868</b>	<b>14,290,585,314</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	14,504,995,868	14,290,585,314
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>674,237,489,325</b>	<b>731,468,923,490</b>

(Phần tiếp theo ở trang 07)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>128,515,150,924</b>	<b>193,739,007,569</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>121,783,298,553</b>	<b>182,931,109,156</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	13,668,303,589	30,761,248,043
2. Phải trả người bán	312	5.12	52,607,073,460	56,364,422,820
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	14,676,506,573	46,624,828,362
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	6,034,807,985	23,076,948,167
5. Phải trả người lao động	315		379,445,606	6,642,709,588
6. Chi phí phải trả	316	5.14	23,762,612,587	9,239,615,790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.15	5,707,238,865	4,665,394,329
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.16	4,947,309,888	5,555,942,057
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6,731,852,371</b>	<b>10,807,898,413</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	1,127,000,000	1,127,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	5,000,000,000	9,029,287,017
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		604,852,371	651,611,396
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.19	<b>545,722,338,401</b>	<b>537,729,915,921</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>545,722,338,401</b>	<b>537,729,915,921</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116,598,200,000	116,598,200,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		267,362,709,609	267,362,709,609
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2,420,789,142	2,420,789,142
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,287,060,000)	(3,287,060,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(129,199,249)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		111,952,642,710	85,397,935,480
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11,659,820,000	11,659,820,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		39,015,236,940	57,706,720,939
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>674,237,489,325</b>	<b>731,468,923,490</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		419,890,689	419,890,689
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		146,825.87	1,859,537.39
- EUR		-	89,933.17
- GBP		3,600.00	3,600.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 07 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**PHAN HOÀNG MINH TRÍ**

**K. T. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*C.N Nguyễn Quốc Định*

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	316,210,003,640	313,257,587,043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.1	630,768,498	2,260,165,827
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	315,579,235,142	310,997,421,216
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	159,691,708,316	171,851,710,305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155,887,526,826	139,145,710,911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7,061,430,412	2,724,379,794
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5,386,330,508	4,065,644,608
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2,000,379,367	292,873,024
8. Chi phí bán hàng	24		97,013,126,820	87,713,481,544
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,758,055,219	12,606,588,950
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47,791,444,691	37,484,375,603
11. Thu nhập khác	31	6.5	2,688,175,295	1,338,098,705
12. Chi phí khác	32	6.6	1,675,022,096	1,187,521,371
13. Lợi nhuận khác	40		1,013,153,199	150,577,334
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48,804,597,890	37,634,952,937
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9,789,360,950	3,763,495,293
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39,015,236,940	33,871,457,644
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	3,363	2,919

TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 07 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

K. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



C.N Nguyễn Quốc Định

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		48,804,597,890	37,634,952,937
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		6,151,231,893	6,574,435,335
Các khoản dự phòng	03		1,877,389,134	(1,163,291,910)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,585,125,594)	(696,705,260)
Chi phí lãi vay	06		2,000,379,367	292,873,024
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>55,248,472,690</b>	<b>42,642,264,126</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7,506,511,030)	(43,778,560,046)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15,004,386,977)	1,103,172,150
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(42,340,610,749)	17,999,119,457
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(214,410,554)	103,059,804
Tiền lãi vay đã trả	13		(2,000,379,367)	(292,873,024)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(21,743,901,111)	(9,018,245,836)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,405,461,291	454,430,614
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(18,222,708,504)	(17,114,297,973)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(49,378,974,311)</b>	<b>(7,901,930,728)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
<b>1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>21</b>		(7,142,350,221)	(15,477,797,558)
<b>2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>22</b>		178,000,000	103,295,457
<b>3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>23</b>		-	(38,817,946,000)
<b>4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>24</b>		9,380,000,000	35,583,576,250
<b>5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>25</b>		-	-
<b>6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>26</b>		-	-
<b>7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>27</b>		3,407,125,594	2,070,138,913
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5,822,775,373</b>	<b>(16,538,732,938)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(3,193,340,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9,667,737,669	33,119,214,465
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30,790,535,060)	(9,935,151,615)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23,205,240,000)	(14,638,780,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(44,328,037,391)</b>	<b>5,351,942,850</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(87,884,236,329)</b>	<b>(19,088,720,816)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>135,040,362,163</b>	<b>110,880,677,264</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>47,156,125,834</b>	<b>91,791,956,448</b>

TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 07 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHAN HOÀNG MINH TRÍ****K. TỔNG GIÁM ĐỐC****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC***C.N Nguyễn Quốc Định*

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất vào ngày 06 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 4, đường 30/04, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 116.598.200.000 đồng

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2010 gồm:

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số 63B – 65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh 2 Tp. Hồ Chí Minh lô B16/I, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 3 số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm: Lô G – Trung tâm thương mại Cái Khế, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.
- Chi nhánh số 3 Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương số 22, đường số 2, KCN Việt Nam – Singapore II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Cửu Long 2 số 66 A, Nguyễn Tất Thành, khóm 3, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cửu Long 5 số 135, Nguyễn Trãi, phường 9, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Tây Ninh số 59B, Nguyễn Thái Học, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Khu vực đồng bằng số 164, tỉnh lộ 854, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Kiên Giang số 378, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Đà Nẵng, số 423 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

*(Phần tiếp theo ở trang 13)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc.
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người.
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Mua bán dược liệu.
- Đầu tư tài chính.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính - Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

+ Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

+ Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

+ Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:

- Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

- Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Riêng Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Bản quyền phần mềm máy tính	03 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

### 4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% mức lương cơ bản của nhân viên.

### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư mở rộng: miễn 1 năm, giảm 50% cho 4 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu được hưởng ưu đãi theo phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.
- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	896.887.151	695.743.962
Tiền gửi ngân hàng	20.259.238.683	37.492.961.854
Các khoản tương đương tiền	26.000.000.000	96.851.656.347
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.156.125.834</b>	<b>135.040.362.163</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	136.963	7.398.721.770	136.963	7.398.721.770
<i>Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC</i>	<i>16.380</i>	<i>729.800.000</i>	<i>16.380</i>	<i>729.800.000</i>
<i>Công ty Cổ Phần XNK Y Tế Domesco</i>	<i>29.250</i>	<i>2.245.846.770</i>	<i>29.250</i>	<i>2.245.846.770</i>
<i>Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang</i>	<i>1.333</i>	<i>239.510.000</i>	<i>1.333</i>	<i>239.510.000</i>
<i>Công ty Cổ Phần Bông Bạch Tuyết</i>	<i>10.000</i>	<i>239.465.000</i>	<i>10.000</i>	<i>239.465.000</i>
<i>Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn</i>	<i>10.000</i>	<i>500.000.000</i>	<i>10.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Quỹ đầu tư chứng khoán VFI</i>	<i>50.000</i>	<i>1.954.100.000</i>	<i>50.000</i>	<i>1.954.100.000</i>
<i>Tập đoàn Bảo Việt</i>	<i>20.000</i>	<i>1.490.000.000</i>	<i>20.000</i>	<i>1.490.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác		1.650.000.000		8.130.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm		-		4.600.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác		1.650.000.000		3.530.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.471.832.691)		(2.720.491.691)
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.576.889.079</b>		<b>12.808.230.079</b>

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại ngày 30/06/2010 như sau:

Đơn vị phát hành	Số lượng cổ phần	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ Phần XNK Y Tế Domesco	29.250	(1.119.719.250)	(490.844.250)
Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	1.333	(83.548.441)	(87.547.441)
Công ty Cổ Phần Bông Bạch Tuyết	10.000	(239.465.000)	-
Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	10.000	(105.000.000)	-
Quỹ đầu tư chứng khoán VFI	50.000	(1.354.100.000)	(1.264.100.000)
Tập đoàn Bảo Việt	20.000	(570.000.000)	(878.000.000)
<b>Tổng cộng</b>		<b>(3.471.832.691)</b>	<b>(2.720.491.691)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu khách hàng	156.000.523.203	158.194.094.276
- Khách hàng trong nước	153.989.058.117	157.102.647.745
- Khách hàng nước ngoài	2.011.465.086	1.091.446.531
Trả trước cho người bán	26.315.500.465	18.008.166.237
- Nhà cung cấp trong nước	23.320.462.387	16.946.058.968
- Nhà cung cấp nước ngoài	2.995.038.078	1.062.107.269
Các khoản phải thu khác	1.850.672.488	3.555.940.844
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>184.166.696.156</b>	<b>179.758.201.357</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.942.134.164)	(3.863.254.585)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>180.224.561.992</b>	<b>175.894.946.772</b>

Đây là các khoản nợ phải thu và trả trước phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu do bán hàng cho các bên liên quan được chi tiết như sau – xem thêm mục 7:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	21.365.948.506	18.156.079.726
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang	1.065.107	7.022.254
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotrphar	340.717.541	373.400.656
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.707.731.154</b>	<b>18.536.502.636</b>

Chi tiết các khoản phải thu khác như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Ứng tiền thiết kế Nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương - Kiến trúc sư Nguyễn Đình Hiếu	-	50.000.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	7.119.016	1.874.977.221
Phải thu tiền bán cổ phần TTDL Đồng Tháp Mười	820.000.000	820.000.000
Thu thuế GTGT hàng nhập khẩu	217.069.862	395.034.370
Khác	806.483.610	415.929.253
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.850.672.488</b>	<b>3.555.940.844</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	128.115.363.843	139.464.378.224
Công cụ, dụng cụ	2.717.000	2.601.600
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.858.785.816	11.746.406.212
Thành phẩm	66.115.994.443	38.584.063.875
Hàng hóa	5.390.105.277	7.022.720.600
Hàng gửi bán	464.627.857	123.036.748
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>211.947.594.236</b>	<b>196.943.207.259</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(831.514.896)	(1.022.346.341)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>211.116.079.340</b>	<b>195.920.860.918</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các mặt hàng cận date, quá date và hàng chậm sản xuất.

### 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	3.591.317.933	2.372.205.733
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.694.681.554	4.580.366.586
Tài sản thiếu chờ xử lý	8.000.000	36.553.063
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.293.999.487</b>	<b>6.989.125.382</b>

(Phần tiếp theo ở trang 21)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Dvt: 1.000.000 đồng.

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	45.981	71.441	10.580	2.639	1.720	132.361
Mua trong kỳ	1.994	4.446	2.071	174	-	8.685
Đầu tư XD CB hoàn thành	5.566	34.311	534	-	-	40.411
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(377)	-	-	(377)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>53.541</b>	<b>110.198</b>	<b>12.808</b>	<b>2.813</b>	<b>1.720</b>	<b>181.080</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	29.330	50.741	6.912	2.018	1.619	90.620
Khấu hao trong kỳ	1.652	3.208	600	254	31	5.745
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(377)	-	-	(377)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.982</b>	<b>53.949</b>	<b>7.135</b>	<b>2.272</b>	<b>1.650</b>	<b>95.988</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	16.651	20.700	3.668	621	101	41.741
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>22.559</b>	<b>56.249</b>	<b>5.673</b>	<b>541</b>	<b>70</b>	<b>85.092</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 63.802.252.192 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	785.713.823	55.659.199.920	56.444.913.743
Tăng trong kỳ	-	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>785.713.823</b>	<b>57.159.199.920</b>	<b>57.944.913.743</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	551.515.162	823.023.739	1.374.538.901
Tăng trong kỳ	130.952.310	274.341.246	405.293.556
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>682.467.472</b>	<b>1.097.364.985</b>	<b>1.779.832.457</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	234.198.661	54.836.176.181	55.070.374.842
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>103.246.351</b>	<b>56.061.834.935</b>	<b>56.165.081.286</b>

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Khoản mục	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Đơn vị tính 1.000 đồng	
				Giảm khác	Số cuối kỳ
- Công trình Nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương	54.065.830	13.665.041	(39.879.831)	(30.364)	27.820.676
- Nhà tập thể tại Bình Dương	1.368.444	1.687.119	-	-	3.055.563
- Mua NPL thử máy dây chuyền thuốc tiêm	59.322	564	-	-	59.886
- Đường nội bộ, nhà bảo vệ, tường rào chi nhánh 2 TP.HCM	-	531.891	(531.891)	-	-
- Chi phí khảo sát địa chất tại Văn phòng Công ty	33.254	181.818	-	-	215.072
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.526.850</b>	<b>16.066.433</b>	<b>(40.411.722)</b>	<b>(30.364)</b>	<b>31.151.197</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết		19.810.876.700		19.810.876.700
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại</i>	-	182.000.000	-	182.000.000
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang</i>	561.000	14.288.996.700	561.000	14.288.996.700
<i>Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar</i>	253.740	5.339.880.000	253.740	5.339.880.000
Đầu tư dài hạn khác		20.892.628.000		22.892.628.000
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	593.529	20.642.628.000	792.232	22.642.628.000
<i>Đầu tư trái phiếu</i>	-	250.000.000	-	250.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>40.703.504.700</b>		<b>42.703.504.700</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(6.293.011.000)		(5.055.011.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>34.410.493.700</b>		<b>37.648.493.700</b>

Lý do thay đổi số lượng và giá trị cổ phiếu với khoản đầu tư dài hạn khác là do trong kỳ Công ty nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Ngân hàng Phương Nam 1.297 cổ phiếu và Công ty chuyển nhượng ra bên ngoài 200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Truyền Thông S (O2 TV) trị giá 2.000.000.000 đồng.

Danh sách chi tiết theo tỷ lệ góp vốn các công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Vốn góp đến 30/06/2010	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	
		Theo giấy phép	Thực góp
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	182.000.000	26,00%	26,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	14.288.996.700	25,50%	25,50%
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	5.339.880.000	25,50%	25,50%
<b>Cộng</b>	<b>19.810.876.700</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 30/06/2010 như sau:

Đơn vị phát hành	Số lượng	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Hóa Dược Phẩm Mekophar	77.000	(5.093.011.000)	(4.785.011.000)
Công ty Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	300.000	(1.200.000.000)	(270.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>(6.293.011.000)</b>	<b>(5.055.011.000)</b>

**5.10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tiền thuê đất	Khác	Tổng cộng
Số đầu năm	14.290.585.314	-	14.290.585.314
Tăng trong kỳ	-	377.225.000	377.225.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(162.814.446)	-	(162.814.446)
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14.127.770.868</b>	<b>377.225.000</b>	<b>14.504.995.868</b>

**5.11. Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngắn hạn tổ chức khác	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.668.303.589	26.761.248.043
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.668.303.589</b>	<b>30.761.248.043</b>

Vay ngắn hạn tổ chức khác để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 06 tháng; lãi suất 0,85%/ tháng; không có tài sản đảm bảo.

Vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 04 đường 30/04, phường 01, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, lãi suất vay 0,85%/tháng.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải trả người bán	52.607.073.460	56.364.422.820
- Nhà cung cấp trong nước	13.267.425.259	10.948.754.567
- Nhà cung cấp nước ngoài	39.339.648.201	45.415.668.253
Người mua trả tiền trước - Khách hàng trong nước	14.676.506.573	46.624.828.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.283.580.033</b>	<b>102.989.251.182</b>

Đây là các khoản nợ phải trả và trả trước phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải trả cho bên liên quan được chi tiết như sau – xem thêm mục 7:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	37.027.578	155.479.712

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	217.069.863	2.130.116.835
Thuế xuất, nhập khẩu	44.174.045	100.817.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.071.137.947	17.025.678.108
Thuế thu nhập cá nhân	702.426.130	3.820.336.017
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.034.807.985</b>	<b>23.076.948.167</b>

**5.14. Chi phí phải trả**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phí bản quyền	3.112.124.278	4.685.583.026
Chi phí du lịch khuyến mãi cho khách hàng	13.583.634.329	-
Chi phí giới thiệu sản phẩm	-	531.380.311
Chi phí khuyến mãi bằng tiền	-	279.037.352
Chi phí nghiên cứu phát triển thị trường	-	2.135.818.187
Chi phí tổ chức hội nghị khách hàng giới thiệu sản phẩm mới	-	801.804.301
Chi phí phải trả khác	7.066.853.980	805.992.613
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.762.612.587</b>	<b>9.239.615.790</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	12.325.421	12.325.421
Kinh phí công đoàn	485.196.078	605.767.641
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.209.717.366	4.047.301.267
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.707.238.865</b>	<b>4.665.394.329</b>

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ tức phải trả	-	57.200.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chưa chi	1.132.163.027	115.376.548
Thu trả trước tiền hàng Công ty Robinson	3.761.262.617	1.885.188.062
Khác	316.291.722	1.989.536.657
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.209.717.366</b>	<b>4.047.301.267</b>

**5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.555.942.057	7.151.485.542	(7.760.117.711)	4.947.309.888
<b>Cộng</b>	<b>5.555.942.057</b>	<b>7.151.485.542</b>	<b>(7.760.117.711)</b>	<b>4.947.309.888</b>

**5.17. Phải trả dài hạn khác**

Đây là các khoản nhận ký quỹ dài hạn của các nhà thuốc, đại lý.

**5.18. Vay và nợ dài hạn**

Đây là khoản vay dài hạn ngân hàng để đầu tư máy móc thiết bị cho dự án Nhà máy Cephalosporin tại Khu công nghiệp Việt Nam Singapore 2, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay từ 10%/năm đến 13,99%/năm, được bảo đảm bằng toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị của dự án trang bị trong nhà máy.

*(Phần tiếp theo ở trang 27)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.19. Vốn chủ sở hữu**

**5.19.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	116.598.200.000	278.107.871.250	2.420.789.142	(93.720.000)	-	71.434.145.480	44.105.834.856	512.573.120.728
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(3.193.340.000)	-	-	-	(3.193.340.000)
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-	65.706.720.938	65.706.720.938
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(12.242.476.548)	(12.242.476.548)
Trích quỹ	-	-	-	-	-	30.846.278.950	(39.863.358.308)	(9.017.079.357)
Giảm khác	-	(10.745.161.641)	-	-	(129.199.249)	(5.222.668.950)	-	(16.097.029.840)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>116.598.200.000</b>	<b>267.362.709.609</b>	<b>2.420.789.142</b>	<b>(3.287.060.000)</b>	<b>(129.199.249)</b>	<b>97.057.755.480</b>	<b>57.706.720.939</b>	<b>537.729.915.921</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	39.015.236.940	39.015.236.940
Trích quỹ	-	-	-	-	-	26.383.107.230	(33.534.592.772)	(7.151.485.542)
Tăng khác	-	-	-	-	-	171.600.000	57.200.000	228.800.000
Giảm khác	-	-	-	-	129.199.249	-	(909.688.167)	(780.488.918)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(23.319.640.000)	(23.319.640.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>116.598.200.000</b>	<b>267.362.709.609</b>	<b>2.420.789.142</b>	<b>(3.287.060.000)</b>	<b>-</b>	<b>123.612.462.710</b>	<b>39.015.236.940</b>	<b>545.722.338.401</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.19.2 Cổ phần**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	11.659.820	11.659.820
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	11.659.820	11.659.820
▪ Số lượng cổ cổ phần phổ thông được mua lại	(57.200)	(57.200)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	11.602.620	11.602.620
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

**5.19.3 Lãi cơ bản trên cổ phần**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	39.015.236.940	33.871.457.644
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	11.602.620	11.602.620
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>3.363</b>	<b>2.919</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Doanh thu hàng xuất khẩu	4.481.586.178	3.378.130.952
Doanh thu hàng sản xuất	265.064.080.231	219.512.288.483
Doanh thu hàng nhượng quyền	24.550.231.357	74.203.779.850
Doanh thu hàng ngoại nhập	13.734.245.774	12.181.333.696
Doanh thu hàng mua bán khác	8.379.860.100	3.982.054.062
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>316.210.003.640</b>	<b>313.257.587.043</b>
Hàng bán bị trả lại	(630.768.498)	(2.260.165.827)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>315.579.235.142</b>	<b>310.997.421.216</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Giá vốn hàng xuất khẩu	2.656.345.220	1.508.590.980
Giá vốn hàng sản xuất	118.816.031.849	100.634.484.193
Giá vốn hàng nhượng quyền	16.971.498.920	54.607.685.663
Giá vốn hàng ngoại nhập	13.238.534.431	11.342.892.760
Giá vốn hàng mua bán khác	8.009.297.896	3.758.056.709
<b>Tổng cộng</b>	<b>159.691.708.316</b>	<b>171.851.710.305</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.949.853.094	1.817.019.369
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.457.272.500	323.104.615
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.654.304.818	562.858.573
Chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Truyền Thông S (O2TV)	1.000.000.000	-
Khác	-	21.397.237
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.061.430.412</b>	<b>2.724.379.794</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	2.000.379.367	292.873.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.390.710.689	3.229.554.462
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	1.989.341.000	266.300.789
Khác	5.899.452	276.916.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.386.330.508</b>	<b>4.065.644.608</b>

**6.5. Thu nhập khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền bán phế liệu, công cụ	45.822.855	126.081.260
Thu nhập do giảm giá hàng mua	2.039.685.379	701.350.000
Xử lý hàng thừa khi kiểm kê	135.891.759	456.537.338
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	178.000.000	16.628.790
Khác	288.775.302	37.501.317
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.688.175.295</b>	<b>1.338.098.705</b>

**6.6. Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Hàng thanh lý	863.337.407	399.245.684
Xử lý hàng thiếu khi kiểm kê	69.901.613	86.386.691
Khác	741.783.076	701.888.996
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.675.022.096</b>	<b>1.187.521.371</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên có liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công nợ phải thu – xem thêm mục 5.3	21.707.731.154	18.536.502.636
Công nợ phải trả - xem thêm mục 5.12	37.027.578	155.479.712

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán sản phẩm	35.010.457.889	32.470.769.397
Thu tiền hàng	(26.237.648.516)	(24.558.298.064)
Bù trừ công nợ phải thu	4.825.687.428	3.012.814.819
Bù trừ công nợ phải trả	270.350.720	-
Nhận hàng trả lại	(30.885.307)	(61.019.962)
Mua hàng	151.898.586	444.556.233

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	384.000.000	588.400.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.388.111.853	2.193.011.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.772.111.853</b>	<b>2.781.411.000</b>

(Phần tiếp theo ở trang 31)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính này.

**9. Phê duyệt phát hành báo cáo**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 07 năm 2010.

*TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 07 năm 2010.*

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**



**PHAN HOÀNG MINH TRÍ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*C.N Nguyễn Quốc Định*